

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn và ông Hoàng Quang Dưỡng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN QD (tên gọi khác: Hitle), sinh năm 1996; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964; trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 18/5/2023, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân:

Ngày 08/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST.

Ngày 29/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST.

Ngày 28/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HSST.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2024 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Trung T, sinh năm 1977 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị hại:

+ Ông Nguyễn QT, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Phan TN, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lê Quyết TT, sinh năm 2007; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Quyết TT: ông Lê XN, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Lê TK, sinh năm 1989; nơi cư trú: 329 Trần Hưng Đạo, phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn DN, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 17 rạng sáng ngày 18/4/2024, Nguyễn QD sinh năm 1996, trú tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, đi xe đạp từ nhà đến xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong để chơi. Khi đến Quốc lộ 49C thuộc địa phận thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị thì QD nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên dừng lại để xe bên đường, QD đi bộ vào sân nhà anh Nguyễn QT, sinh năm 1992 trú tại thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, sau đó đi về phía hông bên trái ngôi nhà (nhìn từ ngoài vào), QD kiểm tra các cửa bên hông thấy đều khoá chặt, nên QD đi về phía sau nhà, thấy có một cửa bằng nhôm kính, QD dùng đèn pin rọi vào thì thấy 01 chiếc đĩa gỗ màu đen được cài vuông góc với cửa, nghĩ là cửa bị hỏng. Lúc này QD dùng tay lắc cánh cửa nhiều lần làm chiếc đĩa bị rơi lỏng và rơi ra thì QD mở được cửa, QD đi vào trong nhà, từ ánh sáng mờ của đèn ngủ, QD thấy có một phòng ngủ sát nhà vệ sinh cửa đang mở. QD đi vào phòng ngủ đến vị trí tủ áo quần gần cửa ra vào, thấy trên kệ tủ có một số túi xách, QD lấy túi xách ngoài cùng màu đen mở ra thấy có 01 xấp tiền, nên đã lấy xấp tiền trong túi xách cất giữ vào người của QD và để lại túi xách ở vị trí cũ. Sau đó, QD đi ra lại từ cửa đi vào, sau đó khép cửa lại như cũ rồi ra lấy xe đạp đi về nhà. Trên đường về nhà, QD kiểm đếm số tiền lấy trộm được là 87.000.000 đồng. QD về nhà cất số tiền đó trong thùng nhựa màu đỏ ở phòng kho nhà mình.

Đến khoảng 11 giờ sáng ngày 18/7/2024, QD lấy số tiền 20.500.000 đồng trộm được đem đi tiêu xài cá nhân hết 17.600.000 đồng gồm: mua 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PRO màu xám trị giá 9.500.000 đồng tại cửa hàng điện thoại BB ở thị xã Quảng Trị; cho Lê Quyết TT mượn 1.000.000 đồng; mua 01 cục pin dự phòng 400.000 đồng tại cửa hàng điện thoại Thăng Bình ở thị xã Quảng Trị; tiêu xài cá nhân ăn uống hết số tiền 6.700.000 đồng. Số tiền còn lại ở trong người và đang cất giấu ở nhà là 69.400.000 đồng, đến ngày 20/6/2024 QD giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Trong quá trình điều tra

Lê Quyết TT đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 1.000.000 đồng để trả lại cho Nguyễn QD.

Cáo trạng số 31/CT-VKSTP ngày 05/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đã truy tố Nguyễn QD về tội: *“Trộm cắp tài sản”* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn QD phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, b, p, q khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn QD từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/4/2024.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12PRO màu xám, ốp lưng nhựa màu trong suốt đã qua sử dụng; 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu *“WEKOME”* màu xanh da trời đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo: 01 áo thun màu xanh dương; 01 quần jean đùi màu xanh da trời; 01 đồng hồ nhãn hiệu SKMEI đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Nguyễn T: 01 xe đạp màu trắng bạc và 01 đèn pin.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng anh Nguyễn QT đã nhận lại đủ số tiền 87.000.000 đồng anh QT không yêu cầu Nguyễn QD bồi thường gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Bà Nguyễn Thị B là mẹ của bị cáo QD trình bày: con bà là bị cáo QD có tác động với bà và nhờ bà bồi thường cho ông Nguyễn QT 16.600.000 đồng, bà là mẹ của bị cáo nên không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Ông Hà Trung T bào chữa cho bị cáo Nguyễn QD trình bày: đồng ý với các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong vụ án này, sau khi phạm tội, bị cáo QD đã tích cực phối hợp, khai báo với cơ quan điều tra về các tình tiết hành vi phạm tội của bị cáo và chỉ nơi cất giấu số tiền, chủ động giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền còn lại sau khi bị cáo tiêu dùng cá nhân là 69.400.000 đồng. Dó đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về xử lý vật chứng, bị cáo QD sau khi thực hiện hành vi trộm cắp đã sử dụng một phần số tiền trộm được để tiêu xài cá nhân và mua một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12PRO và 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu *“WEKOME”*. Các vật chứng này được mua bằng số tiền mà bị cáo trộm được theo quy định pháp luật hiện hành cần phải tịch thu sung vào công quỹ, tuy nhiên bị đã tác động đến mẹ bị cáo bồi thường thay cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại điện thoại và cục sạc bị cáo QD đã mua cho mẹ mình là bà Nguyễn Thị B.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Việc bị cáo chỉ nơi cất giữ tiền chỉ là hành động thể hiện sự thành khẩn, khai báo đối với hành vi phạm tội mình nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không áp dụng thêm tình tiết *“Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc quá trình giải quyết vụ án”* quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51. Đối với điện

thoại di động và cục sạc dự phòng bị cáo đã sử dụng số tiền phạm tội để mua nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự thì cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo QD.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng, đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 18/4/2024, Nguyễn QD đang đi xe đạp từ nhà mình ở thôn A, xã B đến xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong chơi khi đến Quốc lộ 49C thuộc địa phận thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. QD tìm cách đi vào nhà của anh Nguyễn QT và chị Phan TN ở Q, xã B để trộm cắp tài sản. QD đi vào phòng ngủ sát nhà vệ sinh của nhà ông QT và bà TN, đến vị trí tủ áo quần gần cửa ra vào, thấy trên kệ tủ có một số túi xách màu đen. QD lấy túi xách mở ra thấy có 01 xấp tiền và lấy xấp tiền cất giữ vào người của QD. Sau đó, QD để lại túi xách ở vị trí cũ và đi ra theo lối cũ, rồi ra lấy xe đạp đi về nhà. Trên đường về nhà QD kiểm đếm số tiền lấy trộm được là 87.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn QD là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nhưng theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 1017/KLGD ngày 17/6/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền trung kết luận tại thời điểm gây án và hiện tại; Về Y học: “Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng, nhân cách (G40)/chạm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70)”; Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: “Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi”. Như vậy, theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Hình sự thì Nguyễn QD không thuộc trường hợp mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi. Do đó, Nguyễn QD phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình gây ra là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi lén lút trộm cắp tài sản của của ông QT và bà TN với số tiền là 87.000.000 đồng của Nguyễn QD đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân tại địa bàn xã Triệu Vân nói riêng và địa bàn huyện Triệu Phong nói chung. Bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản mà không lấy đó làm bài học và tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng các điểm b, s, p, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo vì: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người khuyết tật loại nặng và là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Đối với ông Nguyễn T là chủ sở hữu xe đạp và đèn pin, vào ngày 17/4/2024, QD mượn để đi chơi, sau đó bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định ông T không biết bị cáo sử dụng xe đạp và đèn pin của ông T vào mục đích phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm đối với ông T. Đối với ông Nguyễn DN đã bán cho bị cáo QD một điện thoại di động, ông Lê TK đã bán cho bị cáo QD một cục sạc, cháu Lê Toàn QT mượn của QD 1.000.000 đồng, những người này không biết số tiền bị cáo QD sử dụng để mua và cho mượn là tiền do trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm đối với họ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tiền 87.000.000 đồng bà Phan Thị Nhung và ông Nguyễn QuT không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên không xem xét.

[6] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn QD cho rằng, trong vụ án này, sau khi phạm tội, bị cáo QD đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra nhằm giải quyết vụ án thuận lợi nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi tiếp nhận tin báo bị hại, cơ quan điều tra đã thực hiện các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật, bị cáo phối hợp với cơ quan điều tra, giao nộp số tiền còn lại, đây được xem là việc

làm thể hiện sự thành khẩn của bị cáo đối với hành vi mình gây ra và đối với người bị hại. Do đó, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của người bào chữa cho bị cáo QD. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu “WEKOME”, tài sản này là vật có được do bị cáo sử dụng từ số tiền trộm cắp để mua. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa là trả lại cho mẹ bị cáo. Những tài sản này cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu “WEKOME”, như đã phân tích tại mục [6], đây là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe đạp màu trắng bạc và đèn pin: Quá trình giải quyết vụ án, xác định xe đạp và đèn pin là tài sản của ông Nguyễn T, bị cáo mượn sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng ông T không biết nên cần trả lại tài sản cho ông Nguyễn T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng 01 đồng hồ nhãn hiệu SKMEI, 01 áo thun màu xanh dương, 01 quần jean đùi màu xanh da trời đã qua sử dụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xác định những tài sản này không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo QD. Do đó, cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQG14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn QD (tên gọi khác: Hittle) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s, q, p khoản 1; khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn QD **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 20/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và một cục sạc dự phòng nhãn hiệu “WEKOME”; trả lại cho bị cáo Nguyễn QD một đồng hồ nhãn hiệu SKMEI, một áo thun màu xanh dương, một quần jean đùi màu xanh da trời. Trả lại cho ông Nguyễn T một xe đạp màu trắng bạc và một đèn pin.

(Vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của vật chứng này được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện Triệu Phong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn QD phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKS, CA huyện Triệu Phong;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa